TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Võ Văn Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 211/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm A, thôn L, xã P, huyện Đ, tỉnh Q (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 37/16C đường T, phường T, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Huỳnh N tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V vào năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó bà về quê sinh con. Khi sinh con xong thì bà quay trở lại Vũng Tàu chung sống với ông N. Trong thời gian chung sống bà phát hiện ông N nghiện ma túy ngoài ra ông N còn có dấu hiệu mua bán ma túy nên bà đã nhiều lần động viên, khuyên giải ông N không tham gia

những công việc vi phạm pháp luật nhưng ông N không nghe còn có hành vi hành hung bà nên bà đã đưa con về quê ở xóm A, thôn L, xã P, huyện Đ, tỉnh Q sinh sống. Sau khi bà về quê thì khoảng 02 tuần sau ông N bị Cơ quan Công an thành phố Vũng Tàu bắt giữ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và ông N bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 07 năm tù về hành vi này.

Khi ra tù ông N có liên lạc với bà để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà với ông N ly thân đã lâu nên bà không còn tình cảm với ông N vả lại theo bà được biết ông N vẫn chưa từ bỏ ma túy nên bà quyết định không tiếp tục chung sống với ông N nữa. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Minh C, sinh ngày 26-11-2013. Bà có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Huỳnh N trình bày:

Ông xác định về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như bà N đã trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Một thời gian sau thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mẫu thuẫn, do tính cách không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ lâu. Nay, ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà N có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Minh C, sinh ngày 26-11-2013. Ông có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay ông làm công việc bảo vệ kiêm quản lý khách sạn với mức thu nhập không cố định ngoài ra ông còn phụ giúp gia đình buôn bán, sửa chữa điện thoại nên thu nhập trung bình mỗi tháng trên 10.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật . Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh N có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Bị đơn ông Nguyễn Huỳnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Huỳnh N tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông N thì thấy: Theo bà N thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bà phát hiện ông N nghiện ma túy ngoài ra ông N còn có dấu hiệu mua bán ma túy nên bà đã nhiều lần động viên, khuyên giải ông N không tham gia những công việc vi phạm pháp luật nhưng ông N không nghe còn có hành vi hành hung bà nên bà đã đưa con về quê sinh sống. Sau khi bà về quê thì ông N bị bắt giữ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 07 năm tù về hành vi này. Bà và ông N ly thân đã lâu nên bà không còn tình cảm với ông N vả lại ông N vẫn chưa từ bỏ ma túy nên bà không muốn tiếp tục chung sống với ông N nữa.

Theo đơn xác nhận của Hiệu trưởng Trường Tiểu học P thì hiện nay cháu Nguyễn Huỳnh Minh C là học sinh đang học lớp 1A4 của Trường. Ngoài ra, theo nội dung xác nhận tại đơn xin xác nhận ngày 17-5-2020 thì đại diện tổ dân phố L, phường P, huyện Đ, tỉnh Q xác nhận từ lúc sinh ra đến nay cháu Nguyễn Huỳnh Minh C được bản thân bà N nuôi dưỡng và sinh sống tại thôn L, xã P (nay là phường P).

Tại phiên tòa, bà N xác định không còn tình nghĩa vợ chồng đối với ông N, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông N là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Huỳnh N có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Minh C, sinh ngày 26-11-2013. Bà N và ông N đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, ông N có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con vì ông cho rằng hiện nay ông làm công việc bảo vệ kiêm quản lý khách sạn

với mức thu nhập không cố định ngoài ra ông còn phụ giúp gia đình buôn bán, sửa chữa điện thoại nên thu nhập trung bình mỗi tháng trên 10.000.000đồng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến tòa làm việc cũng như tham dự phiên tòa nhưng ông N đều vắng mặt mà không có lý do chính đáng và cũng không hề cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện rằng ông có đủ các điều kiện tốt nhất để có thể nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vả lại, từ khi sinh con cho đến nay bà N là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu C. Hiện nay, cháu C đang theo học lớp 1A4 Trường Tiểu học P, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như sinh hoạt và học tập của cháu nên xem xét giao cháu C cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình ; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Huỳnh N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh N.

2. Về con chung: Bà N và ông N có 01 (một) con chung là Nguyễn Huỳnh Minh C, sinh ngày 26-11-2013. Bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huỳnh Minh C và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Huỳnh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000186 ngày 17-4-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND Phường 1, Tp. Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hương